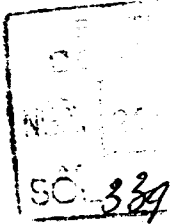


Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2004



QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
Về phương hướng chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội
vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2010
và tầm nhìn đến năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại công văn số 7349/BKH-CLPT ngày 01 tháng 12 năm 2003,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Phê duyệt phương hướng chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm (KTĐ) phía Nam đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020 đối với 7 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, bao gồm: thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Tây Ninh, Bình Phước, Long An, để phát huy những tiềm năng, lợi thế về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, hệ thống kết cấu hạ tầng nhằm xây dựng vùng KTĐ phía Nam trở thành một trong những vùng kinh tế phát triển năng động, có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và bền vững, thực sự là vùng kinh tế động lực của cả nước, giữ vững vai trò quyết định đóng góp vào tăng trưởng kinh tế chung của cả nước. Đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá của cả nước và trong một số lĩnh vực quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh quốc tế, đi đầu trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, tạo động lực cho quá trình phát triển của vùng Đông Nam Bộ.

Điều 2. Mục tiêu phát triển chủ yếu

1. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm giai đoạn 2006 - 2010 đạt khoảng 1,2 lần, giai đoạn 2011 - 2020 đạt khoảng 1,1 lần tốc độ tăng trưởng bình quân cả nước. Tăng tỷ lệ đóng góp của vùng trong GDP của cả nước từ 36% hiện nay lên khoảng 40 - 41% vào năm 2010 và 43 - 44% vào năm 2020.

2. Tăng giá trị xuất khẩu bình quân đầu người/năm từ 1.493 đô la Mỹ năm 2005 lên 3.620 đô la Mỹ năm 2010 và 22.310 đô la Mỹ năm 2020.

3. Tăng mức đóng góp của vùng trong thu ngân sách của cả nước từ 33,9% năm 2005 lên 38,7% năm 2010 và 40,5% năm 2020.

4. Đẩy nhanh tốc độ đổi mới công nghệ phần đầu đạt bình quân 20 - 25%/năm trong tiến trình hiện đại hoá, nâng cao dần tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2010 đạt trên 50%.

5. Hình thành các trung tâm dịch vụ sản xuất và xã hội chất lượng cao, đạt trình độ quốc tế và trong khu vực Đông Nam Á đủ đáp ứng cho nhu cầu của cả khu vực phía Nam và khách quốc tế.

6. Phần đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 4% vào năm 2010, dưới 1% năm 2020, tỷ lệ lao động không có việc làm khoảng 4% đến năm 2020.

7. Ổn định số dân trong vùng đến năm 2020 khoảng 15 - 16 triệu người. Bảo đảm kỷ cương, trật tự an toàn xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng; bảo đảm bền vững môi trường cả ở đô thị và nông thôn trong vùng.

Điều 3. Nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu để thúc đẩy phát triển các ngành và lĩnh vực then chốt

1. Nhiệm vụ mới có tính đột phá.

Xây dựng khu đô thị tổng hợp ở Tây - Tây Bắc thành phố Hồ Chí Minh thuộc 3 tỉnh Long An, Tây Ninh và thành phố Hồ Chí Minh. Phát triển trung tâm đào tạo chất lượng cao tại Bình Dương, các trung tâm y tế chất lượng cao, trung tâm đào tạo nghề trình độ cao tại Bà Rịa - Vũng Tàu, khu sinh dưỡng công nghiệp (chuyên nghiên cứu cải tiến kỹ thuật công nghệ cho toàn Nam Bộ) và xây dựng tổng kho trung chuyển tại Đồng Nai.

Xây dựng các tuyến cao tốc từ thành phố Hồ Chí Minh đi Vũng Tàu, Trung Lương và Tây Ninh; đồng thời, chuẩn bị triển khai xây dựng sân bay Long Thành.

2. Về điều chỉnh quy hoạch.

a) Chuyển dịch nhanh hơn cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển các ngành có chất lượng hàng hoá cao, công nghệ hiện đại và năng suất lao động cao.

- Các ngành dịch vụ cần phát triển với tốc độ nhanh và chất lượng cao, nhằm bảo đảm nhịp độ tăng trưởng cao, phát triển toàn diện và bền vững cho toàn vùng.

Tập trung phát triển toàn diện các ngành dịch vụ chất lượng cao, đặc biệt là dịch vụ tài chính, ngân hàng, du lịch, vui chơi giải trí, dịch vụ công nghệ, viễn thông, vận tải quốc tế; phát triển thị trường bất động sản, thị trường vốn, thị trường chứng khoán; phát huy có hiệu quả các tổ chức tài chính, các cơ quan đào tạo, dịch vụ y tế và nghiên cứu khoa học tầm cỡ quốc gia, khu vực và quốc tế.

Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh thành một trung tâm dịch vụ chất lượng cao về các mặt viễn thông, dịch vụ vận tải, tài chính, ngân hàng, du lịch của cả nước và có tầm cỡ quốc tế.

Thương mại cần vươn lên ngang tầm quốc tế và trở thành động lực cho sự phát triển của cả Nam Bộ.

Phát huy lợi thế của hệ thống cảng biển, đẩy mạnh dịch vụ vận tải biển trong nước và quốc tế, hướng tới đảm nhận hàng xuất nhập khẩu từ 30 - 40% lượng hàng hoá xuất nhập khẩu trong vùng. Phát triển đội tàu vận tải biển theo xu hướng tàu chuyên dụng có trọng tải lớn. Đẩy mạnh các loại dịch vụ hàng hải quốc tế tại các cảng khu vực Sài Gòn, cảng khu vực Thị Vải, Vũng Tàu.

Đa dạng hoá các dịch vụ bưu chính viễn thông, mở rộng hoạt động bưu chính viễn thông của các thành phần kinh tế trong vùng, đặc biệt là các dịch vụ bưu chính viễn thông quốc tế. Mở rộng hệ thống bưu chính viễn thông ở khu vực nông thôn và hải đảo, đảm bảo một điểm bưu chính tại các thành phố lớn phục vụ từ 20.000 người đến 28.000 người, ở thành phố nhỏ từ 14.000 - 18.000 người/điểm bưu cục, ở khu vực nông thôn từ 4.000 - 5.000 người/điểm bưu cục.

Phát triển du lịch gắn liền với việc bảo vệ, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hoá, khu bảo tồn thiên nhiên. Chú trọng phát triển các tuyến du lịch trọng điểm. Gắn du lịch giữa các tỉnh, thành phố trong vùng với các vùng khác trong nước. Nâng cao chất lượng sản phẩm và đa dạng hoá các loại hình du lịch, đẩy mạnh phát triển các trung tâm thông tin và tư vấn phát triển du lịch, gắn liền với xây dựng hệ thống an ninh và an toàn du lịch để đến năm 2005 đón khách du lịch đến vùng Đông Nam Bộ khoảng 10 triệu lượt người, trong đó khách quốc tế là 2 triệu lượt người và đón khoảng 13 - 14 triệu lượt người vào năm 2010, trong đó khách quốc tế là 3,2 - 3,5 triệu lượt người.

- Tăng tốc các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch và công nghiệp hỗ trợ.

Ưu tiên phát triển những ngành mũi nhọn có hàm lượng tri thức và công nghệ cao (công nghệ tin học, viễn thông, công nghệ vật liệu mới, công nghệ vi sinh) công nghiệp sạch và công nghiệp cơ bản làm nền tảng cho sự phát triển chung và hội nhập quốc tế, làm hạt nhân thúc đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của vùng và các vùng lân cận. Đồng thời, phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ tăng tỷ lệ nội địa hoá gắn với các ngành sản xuất linh kiện, phụ liệu, sửa chữa, bảo dưỡng... Phát huy vai trò của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, có hướng đi ngay vào công nghệ hiện đại đi đôi với bảo vệ môi trường.

Đẩy mạnh phát triển một số ngành công nghiệp chủ lực như: khai thác dầu khí; điện tử và công nghiệp sản xuất phần mềm; cơ khí chế tạo; sản xuất điện, phân bón, hóa chất từ dầu khí, chế biến nông, lâm, thủy sản, thực phẩm; phát triển ngành công nghiệp dệt may, giấy da, nhựa; công nghiệp vật liệu xây dựng. Tăng tỷ trọng công nghiệp chế tác.

Điều chỉnh lại hướng phân bố công nghiệp trên địa bàn, trên cơ sở khai thác nguồn tài nguyên và dư địa của các tỉnh chưa phát triển như Long An, Bình Phước, Tây Ninh (có mật độ sản xuất công nghiệp chưa tập trung cao), phù hợp với đặc điểm của từng lĩnh vực sản xuất công nghiệp.

Để thúc đẩy phát triển nhanh với quy mô lớn, cần tập trung ưu tiên phát triển lĩnh vực điện tử, tin học để làm tiền đề cho các lĩnh vực khác phát triển. Hướng ưu tiên phát triển là đi thẳng vào công nghệ hiện đại và tận dụng lợi thế người đi sau. Phát huy lợi thế về tiềm năng lao động của vùng để đẩy mạnh hợp tác quốc tế nhằm khai thác nguồn vốn và công nghệ mới. Phấn đấu đến năm 2010, công nghiệp điện tử, tin học trở thành ngành mũi nhọn, hướng xuất khẩu, từng bước phát triển đồng bộ cả phần cứng, phần mềm, trong đó ưu tiên phát triển phần mềm. Đưa vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trở thành trung tâm mạnh về sản xuất linh kiện điện tử, phần mềm, tin học viễn thông ở khu vực Đông Nam Á. Xúc tiến đầu tư khu công nghiệp công nghệ cao và sản xuất phần mềm ở thành phố Hồ Chí Minh. Phấn đấu đưa giá trị sản xuất phần mềm lên khoảng 1.800 tỷ đồng vào năm 2005 (tương đương khoảng 150 đến 160 triệu USD).

- Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp hàng hoá phục vụ nhu cầu công nghiệp, tiêu dùng ở đô thị và xuất khẩu.

Phát triển mạnh nền nông nghiệp thâm canh tạo nguồn nguyên liệu cho phát triển công nghiệp chế biến tại các địa phương và trong các khu công nghiệp để không ngừng tăng giá trị gia tăng nội địa trong hàng nông sản xuất khẩu. Hình thành các vùng nông sản hàng hoá xuất khẩu (cao su, cà phê, hồ tiêu, điều), bao gồm:

Vùng chuyên canh cây cao su tập trung chủ yếu ở Bình Phước, Đồng Nai (các huyện Thống Nhất, Long Thành, Xuân Lộc, Long Khánh), Bà Rịa - Vũng Tàu (các huyện: Xuyên Mộc, Tân Thành, Châu Đức), Củ Chi (thành phố Hồ Chí Minh).

Vùng chuyên canh cây cà phê ở Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu. Vùng chuyên canh hồ tiêu tập trung ở huyện: Xuân Lộc, Long Khánh, tỉnh Đồng Nai; Châu Đức (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu). Vùng chuyên canh cây điều ở các huyện: Long Thành, Long Khánh (Đồng Nai); Châu Đức (Bà Rịa - Vũng Tàu) và các huyện thuộc tỉnh Bình Phước. Vùng chuyên canh rau xanh tập trung ở thành phố Hồ Chí Minh, các huyện: Tân Thành, Long Đất (Bà Rịa - Vũng Tàu), thành phố Biên Hoà (Đồng Nai).

Các vùng cây ăn trái ở Lái Thiêu (Bình Dương), bưởi Tân Triều, thành phố Biên Hoà, chuối, sầu riêng huyện Long Khánh (tỉnh Đồng Nai), nhãn, măng cầu (Bà Rịa - Vũng Tàu).

Tăng tỷ lệ che phủ, tạo "lá phổi xanh" cho đô thị và các khu công nghiệp, cải thiện môi trường sinh thái, tạo cảnh quan du lịch, sử dụng hợp lý đất đai, gia tăng cây lâu năm trên đất rừng. Bảo vệ rừng đầu nguồn, tăng nhanh và sớm ổn định rừng phòng hộ ven biển, đặc biệt diện tích rừng ngập mặn ở huyện Cần Giờ của thành phố Hồ Chí Minh và ven biển của Bà Rịa - Vũng Tàu, rừng nguyên liệu giấy, vườn quốc gia Nam Cát Tiên, Đồng Nai. Phủ xanh đất trống, đồi núi trọc ở Tây Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Dương và Bình Phước, gắn với các chương trình trồng rừng để hình thành các điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng.

Tập trung đầu tư vào các phương tiện đánh bắt ngoài khơi theo hướng thay đổi vỏ tàu 100 - 200 CV bằng vật liệu mới, bền và tiết kiệm gỗ. Xây dựng hệ thống cảng, nạo vét luồng lạch và các cơ sở dịch vụ nghề cá ở Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Phát triển nuôi tôm thâm canh, nuôi cá nước ngọt ở các công trình thủy lợi. Đẩy mạnh chế biến thủy sản, nâng cấp và hiện đại hoá các cơ sở chế biến xuất khẩu tại thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai.

b) Đảm bảo phát triển cân đối, đi trước về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội.

- Về hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế.

Tiếp tục hoàn thành nâng cấp quốc lộ 50, 20, 22b, tuyến N2... nối vùng KTTĐ phía Nam với vùng đồng bằng sông Cửu Long và vùng Tây Nguyên và có phương án tạo tuyến liên kết mới.

Sớm đầu tư các tuyến đường cao tốc từ thành phố Hồ Chí Minh đi Cần Thơ, đây là trục giao thông quan trọng đảm bảo giao lưu giữa Đông Nam Bộ với đồng bằng sông Cửu Long.

Đầu tư xây dựng trục đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Vũng Tàu, tuyến này còn là tuyến thành phố Hồ Chí Minh đi sân bay quốc tế Long Thành. Đến năm 2005 xây dựng đoạn Long Thành - thành phố Hồ Chí Minh quy mô 4 làn xe. Giai đoạn 2006 - 2010 xây dựng tiếp đoạn Long Thành - Vũng Tàu. Nâng cấp quốc lộ 13, dự kiến đến năm 2005 hoàn thành nâng cấp đoạn từ ngã tư Bình Phước đến Thủ Dầu Một dài 30 Km, quy mô 4 làn xe.

Tiếp tục cải tạo, tiến tới hiện đại mạng lưới giao thông tại các đô thị trong vùng. Xây dựng phương án hoàn thiện mạng lưới giao thông cho thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó, đặc biệt chú trọng quy hoạch, đầu tư phát triển vận tải công cộng hành khách, nghiên cứu xây dựng hệ thống cầu qua sông, xe điện chạy trên cao, hay chạy ngầm trong lòng đất. Quy hoạch phát triển giao thông gắn với quy hoạch xây dựng các khu đô thị văn minh (không để xây dựng tràn lan ven đường).

Hoàn thành việc hiện đại hóa ga hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, nghiên cứu phát triển sân bay quốc tế thứ 2 tại Long Thành để đón đầu khi sân bay Tân Sơn Nhất quá tải. Nghiên cứu cải tạo sân bay Cỏ Ống, Côn Đảo phục vụ du lịch và phát triển kinh tế - xã hội trên đảo. Việc tiến hành triển khai xây dựng dựa trên hiệu quả tổng hợp phát triển Côn Đảo.

Thời gian trước mắt cần sử dụng có hiệu quả các cảng của vùng tại khu vực thành phố Hồ Chí Minh, bao gồm cảng Sài Gòn và một loạt các cảng, bến cảng của các Bộ, ngành, địa phương, liên doanh v.v... nằm dọc sông Sài Gòn, Nhà Bè; đồng thời triển khai xây dựng với mức độ thích hợp các cảng ở khu vực Cát Lái và Hiệp Phước.

Thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 18 tháng 11 năm 2002 của Bộ Chính trị về phát triển thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010 nhanh chóng hoàn thành phương án, kế hoạch di dời hệ thống cảng trên sông Sài Gòn ra khỏi nội thành một cách hợp lý, chặt chẽ, có tiến độ phù hợp để quá trình di dời không gây ách tắc, lãng phí và hạn chế được ảnh hưởng xấu đối với sản xuất kinh doanh và quốc phòng, an ninh. Từng bước đầu tư xây dựng mới cụm cảng Cái Mép, Thị Vải để đảm bảo nhu cầu vận tải của cả khu vực phía Nam và là cửa ngõ ra biển của đường xuyên Á.

Xây dựng tổng kho trung chuyển đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của sự phát triển cho cả vùng. Nghiên cứu xây dựng tổng kho trung chuyển ở nơi có thể tập kết hàng hoá từ các cảng biển và chuyển đi các nơi cho thuận tiện, nhanh chóng.

Hoàn thiện, cải tạo và nâng cấp các tuyến nối với đồng bằng sông Cửu Long, trong đó quan trọng là 2 tuyến : tuyến Sài Gòn thành phố Cà Mau; Sài Gòn - Kiên Lương thực hiện bằng vốn ODA.

Trong giai đoạn 2004 - 2005 cần cải tạo đầu mối đường sắt thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2006 - 2010 nghiên cứu xây dựng các tuyến đường sắt từ thành phố Hồ Chí Minh đi Vũng Tàu, xây dựng hệ thống đường sắt kết nối hệ thống cảng biển với các khu công nghiệp trên hành lang đường 51, thành phố Hồ Chí Minh đi Phnom Penh, đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nguyên theo quy hoạch.

Nâng cấp các công trình cấp thoát nước, từng bước phát triển hệ thống cấp nước theo quy hoạch vùng, khu vực theo hướng hiện đại, ngang tầm về công nghệ và tổ chức quản lý của các đô thị văn minh, tiên tiến trong khu vực và thế giới. Cải tạo hệ thống thoát nước, xử lý nước thải, giải quyết dứt điểm tình trạng ngập úng tại các đô thị, đặc biệt là ở thành phố Hồ Chí Minh.

Khi xây dựng các nhà máy, các khu công nghiệp phải xây dựng đồng thời các công trình xử lý chất thải đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Quy hoạch, xây dựng hệ thống xử lý rác thải đô thị, chất thải của các khu công nghiệp bảo đảm môi trường xanh, sạch, đẹp cho đô thị.

Giai đoạn 2006 - 2010 triển khai đầu tư mới 40 Km đường dây 500 KV và một trạm biến áp 500 KV với công suất 450 MVA, 181 Km đường dây 110 KV và 105 trạm biến áp 110 KV với tổng công suất 4.100 MVA.

- Về hệ thống kết cấu hạ tầng xã hội.

Xây dựng các trung tâm hoạt động văn hoá để khôi phục các hoạt động văn hoá truyền thống và đưa các hoạt động này vào nề nếp. Đầu tư nâng cấp tháp truyền hình hiện có trong khu vực để nâng cao chất lượng các chương trình phát sóng truyền hình.

Phát triển các cơ sở, trang thiết bị và các dịch vụ y tế đáp ứng nhu cầu đa dạng không chỉ của người dân mà cả những người nước ngoài đang làm việc trong các liên doanh và khách du lịch. Xây dựng trung tâm y tế chất lượng cao, đảm bảo trang, thiết bị chữa bệnh tiên tiến và hiện đại, tránh tập trung vào thành phố Hồ Chí Minh. Tổ chức sắp xếp lại và củng cố, tăng cường mạng lưới y tế xã, phường và cộng đồng, bảo đảm 100% thôn, xã có nhân viên y tế; 100% trạm y tế cơ sở, y tế xã có bác sĩ.

c) Phát triển đô thị và các khu công nghiệp.

- Phát triển các đô thị vệ tinh xung quanh các thành phố lớn gắn với các khu công nghiệp và từ đó hình thành các chùm đô thị có quy mô lớn. Hình thành các đô thị mới có quy mô dân số khoảng 70 đến 100 vạn dân ở Phú Mỹ, Long Sơn, Long Hải (Bà Rịa - Vũng Tàu), Dĩ An - Tân Uyên (Bình Dương), Tam Phước, Nhơn Trạch (Đồng Nai). Xây dựng khu đô thị mới khoảng 6.000 ha tại vùng giáp ranh giữa thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Long An, tỉnh Tây Ninh (huyện Đức Hoà, Trảng Bàng, Củ Chi). Đối với các đô thị lớn khác, thực hiện đồng thời cải tạo, chỉnh trang và hiện đại hoá khu vực nội thành và đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng.

Quy hoạch, cải tạo vùng nông thôn kết hợp với việc hình thành các đô thị ngoại vi, các huyện lỵ mở rộng và các khu dân cư đô thị gắn với các khu công nghiệp tập trung; các thị trấn, thị tứ cũng sẽ được nâng cấp và hình thành thêm.

Phát triển các khu công nghiệp tập trung, khu công nghệ cao, nghiên cứu đề án xây dựng khu "sinh dưỡng" công nghiệp đặt ở ngoại vi thành phố Hồ Chí Minh, gần các trung tâm nghiên cứu khoa học, gần các khu công nghệ cao, thuận tiện giao thông làm nhiệm vụ cải tiến kỹ thuật, công nghệ cho các xí nghiệp ở phía Nam.

Đưa vào hoạt động khu công nghệ cao. Khuyến khích đầu tư vào các khu công nghiệp, khu chế xuất đã được cấp giấy phép. Rà soát lại quy hoạch khu công nghiệp của toàn vùng để đảm bảo sự phát triển bền vững, cân đối; trong đó, xây dựng các khu công nghiệp của thành phố Hồ Chí Minh theo hướng khu công nghiệp công nghệ cao, nâng cao hàm lượng chất xám trong sản phẩm công nghiệp. Chú trọng việc xây dựng kết cấu hạ tầng ngoài hàng rào các khu công nghiệp như nhà ở, bệnh viện, trường học, trung tâm đào tạo nghề, khu thương mại, khu vui chơi giải trí... Có quy hoạch và kế hoạch cụ thể cho việc xây dựng các điểm dân cư gắn với khu công nghiệp để đảm bảo điều kiện sống cho những người từ nơi khác tới làm việc.

d) Đổi mới cơ chế thu hút đầu tư trong và ngoài nước.

Tạo cơ chế, chính sách đồng bộ để thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước, có chính sách huy động vốn đầu tư vào lĩnh vực dịch vụ chất lượng cao, các ngành sản xuất công nghệ cao, chính sách khuyến khích xuất khẩu, chính sách sử dụng cán bộ, cơ chế phân cấp trung ương và địa phương phù hợp và linh hoạt.... nhằm làm cho sự phối hợp giữa các ngành với nhau, giữa các địa phương với nhau và giữa ngành với địa phương được chặt chẽ và hiệu quả, tạo môi trường thuận lợi thu hút vốn đầu tư có sức cạnh tranh với các nước khác trong khu vực.

Điều chỉnh cơ cấu đầu tư theo hướng nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh, hình thành các công trình cấp quốc gia, cấp vùng và cấp địa phương (tỉnh, thành phố) được quản lý theo những quy chuẩn thống nhất; khai thác các nguồn lực, nhất là nguồn nội lực, đồng thời tạo điều kiện thu hút vốn và công nghệ bên ngoài để nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, phù hợp với quy hoạch phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Nguồn vốn đầu tư trên sẽ được ưu tiên trước hết cho phát triển các ngành sản xuất có hàm lượng khoa học cao, sử dụng công nghệ hiện đại.

Điều 4. Đào tạo nguồn nhân lực

Đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng cho nhu cầu phát triển của vùng, khu vực phía Nam và cả nước. Đầu tư phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt nguồn nhân lực thuộc lĩnh vực sản xuất, các ngành mũi nhọn (công nghiệp điện tử, sản xuất phần mềm, tin học và tự động hoá...). Mở rộng quy mô đào tạo nguồn nhân lực theo nhiều hình thức khác nhau, chú ý đào tạo công nhân tay nghề cao đáp ứng nhu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Phối hợp đào tạo nguồn nhân lực giữa khu vực trung tâm với khu vực ngoại vi, giữa vùng KTTĐ phía Nam với các khu vực ngoài vùng để lôi kéo lực lượng lao động ngoài khu vực vào tham gia các hoạt động kinh tế trong vùng.

Sắp xếp lại hệ thống các cơ sở đào tạo (đại học, cao đẳng và dạy nghề) theo hướng chú trọng đào tạo các ngành kinh tế, kỹ thuật phục vụ sự phát triển hiện đại, công nghệ cao. Đầu tư nâng cao chất lượng và mở rộng hình thức đào tạo của các trường đại học tại thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận, có tính đến nhu cầu của vùng đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nguyên.

Xây dựng trung tâm đào tạo chất lượng cao và trung tâm dạy nghề tại Đồng Nai, có phương án liên doanh với nước ngoài.

Nghiên cứu xây dựng trung tâm khoa học và chuyển giao công nghệ có tầm cỡ quốc gia, khu vực và quốc tế cho cả vùng, phân bố gần khu công nghệ cao của thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 5. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố thuộc vùng KTTĐ phía Nam có trách nhiệm kiểm tra, theo dõi thực hiện phương hướng phát triển kinh tế - xã hội vùng

KTTĐ Phía Nam một cách chặt chẽ, xây dựng kế hoạch 5 năm, hàng năm, chương trình và dự án đầu tư phát triển phù hợp.

Ban điều phối phát triển các vùng KTTĐ chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư kết hợp các Bộ, ngành có liên quan, Ủy ban Nhân dân các địa phương tiến hành rà soát lại quy hoạch phát triển trên toàn địa bàn một cách thiết thực và có hiệu lực cao. Trước hết tập trung sức rà soát lại quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế – xã hội của cả vùng KTTĐ, đặc biệt là rà soát quy hoạch phát triển đô thị, các hành lang kinh tế, các khu công nghiệp, hệ thống cảng biển... Rà soát quy hoạch phát triển kinh tế – xã hội của các tỉnh nhằm điều chỉnh quy hoạch phù hợp với tình hình phát triển mới. Sau khi tiến hành rà soát các quy hoạch tổng thể, các ngành, các địa phương cần triển khai sớm các quy hoạch chi tiết, bảo đảm thông báo kịp thời các quy hoạch tới cơ sở và người dân.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương liên quan triển khai các chương trình, dự án đầu tư trọng điểm.

Các Bộ, ngành Trung ương có trách nhiệm phối hợp, giúp đỡ các tỉnh, thành phố thuộc vùng KTTĐ phía Nam trong quá trình rà soát, tổ chức thực hiện các chương trình và dự án đã đề ra, đảm bảo sự thống nhất giữa quy hoạch từng tỉnh, thành phố với quy hoạch vùng và cả nước.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 44/1998/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế – xã hội Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam giai đoạn từ nay đến năm 2010.

Điều 7. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố thuộc Vùng KTTĐ phía Nam và các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng,
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ,
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao,
- Tòa án nhân dân tối cao,
- Cơ quan Trung ương các đoàn thể,
- Văn phòng Quốc hội,
- Văn phòng Chủ tịch nước,
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng,
- Tỉnh ủy, Thành ủy, HĐND, UBND 7 tỉnh, thành phố Vùng KTTĐ phía Nam,
- Công báo.
- VPCP: BTCN, các PCN, các Vụ, Cục,
- Người phát ngôn của TTg CP,
- Lưu : ĐP (5), văn thư.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ



Phan Văn Khải